TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

Bản án số: 139/2025/HC-PT
Ngày: 10-9-2025
"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn.**

Các Thẩm phán: bà **Trần Thị Kim Liên.**

ông **Đinh Phước Hoà**.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Phạm Thị Thu Ba – Thẩm tra viên Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa***: ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 82/2025/TLPT-HC ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc *"khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2025/HC-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479A/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* ông Chung Văn H; sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Tuyết S - Công ty L; địa chỉ: khối phố Đ, phường B, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Quang T1 – Chức vụ: Phó chủ tịch. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 08/9/2025). Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Văn T2 - Chức vụ: Trưởng phòng kinh tế xã T. Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: Số A H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Đức S1 – Phó giám đốc chi nhánh K; địa chỉ Số A H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964; Vắng mặt

+ Bà Chung Thị Minh T3, sinh năm 1992; Vắng mặt

+ Bà Chung Văn T4, sinh năm 1993; Vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, ông T4: bà Nguyễn Thị Tuyết S - Công ty L; địa chỉ: khối phố Đ, phường B, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại hồ sơ vụ án và tại phiên toà, người khởi kiện ông Chung Văn H và người đại diện theo uỷ quyền bà Nguyễn Thị Tuyết S thống nhất trình bày:*

Gia đình ông H nhận Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện N về việc công nhận, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ hộ ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T. Theo quyết định này, Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện N xác định thửa đất gia đình ông H đang sử dụng có diện tích thực tế là 13.895.2m² là loại đất rừng sản xuất để tính giá bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H, ông H không thống nhất xác định loại đất là đất rừng sản xuất nên đã khiếu nại nội dung này. Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của gia đình ông.

Nguồn gốc thửa đất này gia đình ông H sử dụng từ năm 1989, từ khi UBND huyện N vận động nhân dân đến vùng kinh tế mới để lập nghiệp, khai hoang trồng cây phủ trống đồi trọc, tăng gia sản xuất. Đi cùng gia đình ông H gồm nhiều hộ dân khác. Gia đình ông H đến nơi khu vực kinh tế mới này xây dựng nhà cửa, sân vườn, chuồng chăn nuôi trâu, bò, gia cầm, khai hoang đất trồng hoa màu, lúa, trồng cây để phủ trống đồi trọc phát triển kinh tế, gia đình ông H sử dụng đất có đăng ký kê khai theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 55, diện tích 5.276m², loại đất T5 Tuy nhiên, không hiểu sao năm 2010 vợ chồng ông H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt GCNQSDĐ) số BH 595613 tại thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626 m², loại đất rừng sản xuất.

Về đối tượng, chủ thể: Đất của hộ gia đình nhưng cấp cho vợ chồng ông H là chưa đảm bảo về chủ thể, đối tượng.

Về diện tích: Theo đo đạc mới nhất thì diện tích thửa đất có 13.895.2m² nhưng theo Giấy chứng nhận đã cấp thì diện tích 13.626m² là chưa đảm bảo về diện tích;

Về mục đích sử dụng đất: Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng số 80/BB- PTQĐ ngày 24/09/2019, gồm nhiều mục đích khác nhau: xây nhà trệt,

nhà bếp, nhà vệ sinh, chái, chuồng gà, chuồng trâu, giếng nước, nền lát gạch xi măng, nền láng bê tông, tường xây, nền đá dăm, đường dây điện, trồng keo, trồng cây obama, cây dó, cây mãng cầu, cây mai, cây ổi, tre.... Diện tích đất sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, mục đích này được gia đình ông H sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay, không tranh chấp nhưng khi cấp GCNQSDĐ thì chỉ được cấp 1 mục đích là RSX là không đảm bảo theo quy định pháp luật.

Về thủ tục: Ông H không có làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, nhà nước tự làm chứ ông H không làm đơn yêu cầu.

Việc tự xác định loại đất không phù hợp với mục đích sử dụng đất và sai hồ sơ đăng ký theo nghị định định 64/CP gây ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích pháp lý của gia đình H. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Hủy Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 2-322ha) tại xã T, huyện N;

- Hủy Quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Chung Văn H, trú tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Hủy GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02, diện tích 13.626 m², địa chỉ tại G, thôn X, xã T, huyện N, Quảng Nam;

- Buộc UBND huyện N ban hành quyết định công nhận, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ loại đất ở và cây lâu năm đối với diện tích 13.895.2 m² thuộc thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02 (theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N), thuộc thửa đất số 407, tờ bản đồ số 34 (theo Mảnh trích đo chỉ lý lý bản đồ địa chính số 34-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Q phê duyệt ngày 31/3/2020) cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện rút yêu cầu về việc: Hủy Quyết định số 18373/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện N về việc làm bồi thường, hỗ trợ cho ông Chung Văn H và câu Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T - Giai đoạn 2 (Đợt 1/PTQD).

Bổ sung yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho hộ Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T - Giai đoạn 2 (Đợt 3/PTQĐ). Địa điểm: xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch, UBND huyện N *trình bày:*

Ông Chung Văn H đang sử dụng thửa đất số 407, thuộc Mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 34-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 31/3/2020 (sau đây viết tắt là tờ bản đồ số 34-2020), diện tích 13.895,2m², loại đất rừng sản xuất.

+ Theo hồ sơ 299/TTg thì vị trí đất này không đo đạt thành thửa đất, thuộc phạm vi đất của Nông trường Đ.

+ Theo hồ sơ 64/CP thì vị trí này thuộc 04 thửa đất bao gồm: một phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 55, diện tích 19.970m², loại đất Hg/b do UBND xã T (nay là xã T) kê khai đăng ký; một phần thửa đất số 92, tờ khai bản đồ số 55, diện tích 5.276m², loại đất T do ông C Hườn kê khai đăng ký; một phần thửa đất số 96, tờ bản đồ số 55, diện tích 10.546m², loại đất LN/K do UBND xã T kê khai đăng ký và một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ số 55, diện tích 154.394m², loại đất RT/S do UBND xã T kê khai đăng ký.

+ Hồ sơ đo đạc và cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp theo Quyết định 48/2007/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 của UBND tỉnh Q về duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng Quảng Nam, ông H đăng ký đất số 1456, tờ bản đồ số 02, diện tích 13.626m², mục đích sử dụng đất xin giao là đất rừng sản xuất, địa chỉ thửa đất tại G, thôn X, xã T, huyện N.

- Ngoài ra, ông H đăng ký 64/CP tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 47, tích tích 1.644 m², loại đất T đã được UBND huyện Thành cấp GCNQSDĐ tại Sổ cấp GCNQSDĐ số thứ tự 1579 mục đích sử dụng đất ở và thửa đất này không nằm trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án.

Việc cấp Giấy CNQSD đất đối với thửa đất khiếu kiện:

Ngày 01/01/2008, hộ ông Chung Văn H có Đơn xin giao đất lâm nghiệp đối thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626 m², mục đích sử dụng đất xin giao là đất rừng sản xuất, chỉ địa thửa đất tại G, thôn X, xã T Nam và được UBND xã T xác nhận ngày 02/01/2008. Theo Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/01/2008 (có chữ ký xác nhận của ông H) thì thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2 thể hiện trạng thái rừng keo III.

Ngày 04/12/2008, hộ ông H có Đơn xin cấp GCNQSDĐ số 1456, tờ bản đồ số 2, tích tích 13.626m², mục đích sử dụng đất xin cấp GCNQSDĐ là đất rừng sản xuất và được UBND xã T, Chi nhánh Văn phòng Đ, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện N kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện GCNQSDĐ.

Ngày 31/12/2010, ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 tại thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m², loại đất rừng sản xuất.

Như vậy, ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng từ khi

được cấp GCNQSDĐ cho đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất (năm 2022) thì gia đình ông H không có khiếu nại gì liên quan đến GCNQSDĐ được cấp.

Trong quá trình sử dụng đất đến trước thời điểm Nhà nước thu hồi đất, ông H không cung cấp quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp (đất rừng sản xuất) sang đất phi nông nghiệp (đất ở) của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2 nêu trên. Ông H cho rằng, trong quá trình sử dụng đất thì ông có đăng ký trong hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 55, diện tích 5.276m², loại đất T; tuy nhiên hồ sơ 64/CP lập trên địa bàn xã T (nay là xã T) không phải là một trong các loại quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết điều hành một số điều chỉnh của Đất đai và khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 01/06/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số đề nghị quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Về quá trình kê khai kiểm đếm hiện trạng:

Ngày 24/09/2019, Trung tâm Phát triển quỹ đất Quảng Nam, phối hợp với UBND xã T và ông Chung Văn H tiến hành lập Biên bản số 80/BB-PTQĐ về Biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng đầy đủ các tài sản có trên thửa đất khởi kiện.

Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng:

Ngày 07/9/2021, UBND xã T có tờ trình số 99/TTr-UBND, theo đó đề nghị công nhận quyền sử dụng đất diện tích 269,2m^2, đồng thời thu hồi diện tích này và diện tích 13.626m², loại đất rừng sản xuất ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N tại thửa đất số 407, Giấy bản đồ số 34-2020 (được đo đạc lại tại thửa đất số 1456, tờ khai bản đồ số 02, diện tích 13.626m^2, loại đất rừng sản xuất được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 ngày 31/12/2010).

Ngày 10/02/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND, theo đó công nhận quyền sử dụng đất với diện tích 269,2m², đồng thời thu hồi diện tích này và diện tích 13.626m², loại đất rừng sản xuất của ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N tại thửa đất số 407 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 34-2020.

Như vậy, ông H và bà N được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 ngày 31/12/2010 tại thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m^2, loại đất rừng sản xuất. Do đó, UBND huyện N căn cứ theo quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2013 ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất của ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N tại thửa đất số 407, tờ bản đồ số 34-2020, diện tích 13.895,2m², loại đất rừng sản xuất (theo số liệu đo mới) là đảm bảo theo đúng quy định.

Trên cơ sở dữ liệu có thể hiện tại Biên bản kê khai và kiểm điếm hiện trạng số 80/BB-PTQD được lập nêu trên, ngày 15/02/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1071/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt thực thi dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh

cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 2) tại xã T, huyện N với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.565.003.200 đồng (bồi thường, hỗ trợ về đất: 333.484.800 đồng; bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, mỗ mà, vật kiến trúc: 15.074.000 đồng; hỗ trợ thường xuyên, hỗ trợ về máy, hỗ trợ: 215.990.000 đồng; hỗ trợ đào tạo, chuyển giao đổi nghề và tìm việc: 1.000.454.400 đồng).

Từ những phân tích nêu trên, việc UBND huyện N ban hành các quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T - Giai đoạn 2 (Đợt 3/PTQD) tại xã T, N là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện N, ông Chung Văn H đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện N và đã được Chủ tịch UBND huyện N ban hành quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Chung Văn H, thường trú tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu), qua đó không công nhận nội dung khiếu nại của ông là đúng pháp luật.

Do đó, việc ông Chung Văn H đề nghị huỷ các quyết định: Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 2 - 322ha) tại xã T, huyện N; Quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Chung Văn H tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu); đồng thời huỷ GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 tại thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m², loại đất rừng sản xuất do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N; buộc UBND huyện N, thu hồi, đền T6, hỗ trợ, định loại đất ở + cây lâu năm tại thửa đất số 407, tờ bản đồ số 34-2020, diện tích 13.626m², tại thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho vợ chồng ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N là không có cơ sở. Chủ tịch UBND và UBND huyện N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 49/2025/HC-ST ngày 11/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng) đã quyết định:

1. Căn cứ các Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158, khoản 2 Điều 173, điểm a, b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều Điều 100 Luật Đất đai 2013. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện: huỷ Quyết định số 18373/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T – Giai đoạn (Đợt 1/PTQĐ); địa điểm: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

1.2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Chung Văn H về nội dung: huỷ Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ cho hộ Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T - Giai đoạn 2 (Đợt 3/PTQĐ). Địa điểm: xã T, huyện T, Tỉnh Quảng Nam.

1.3. Bác các phần yêu cầu khởi kiện của ông Chung Văn H về nội dung:

- Hủy Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 2-322ha) tại xã T, huyện N:

- Hủy Quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Chung Văn H, trú tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02, tích 13626 m^2, địa chỉ tại G, thôn X, xã T, huyện T, Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ loại đất ở và cây lâu năm đối diện tích 13.895.2 m2 thuộc thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02 *(theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N), thuộc thửa đất số 407, tờ bản đồ số 34 (theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 34-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Q phê duyệt ngày 31/3/2020)* cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Ngữ .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông Chung Văn H kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung:

- Hủy Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 2-322 ha) tại xã T, huyện N:

- Hủy Quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Chung Văn H, trú tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02, tích 13626 m^2, địa chỉ tại G, thôn X, xã T, huyện T, Quảng Nam;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ loại đất ở và cây lâu năm đối diện tích 13.895.2 m2 thuộc thửa

đất số 1456, tờ bản đồ số 02 *(theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N), thuộc thửa đất số 407, tờ bản đồ số 34 (theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 34-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Q phê duyệt ngày 31/3/2020)* cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Ngữ .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện công tố, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 10/02/2022, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1004/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T (giai đoạn 2-322 ha) tại xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; ngày 15/02/2022 UBND huyện N ban hành Quyết định số 1071/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án nêu trên. Ngày 22/6/2022 ông Chung Văn H khiếu nại Quyết định 1004/QĐ-UBND của UBND huyện N. Ngày 25/10/2023 Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 8142/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Chung Văn H. Không đồng ý nội dung các quyết định này, ngày 04/10/2024 ông Chung Văn H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định nêu trên, huỷ GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02, tích 13626m^2, địa chỉ tại G, thôn X, xã T, huyện T, Quảng Nam và buộc UBND huyện N ban hành quyết định công nhận, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ loại đất ở và cây lâu năm đối với diện tích 13.895.2 m^2 thuộc thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02 *(theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N), thuộc thửa đất số 407, tờ bản đồ số 34 (theo mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 34-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Q phê duyệt ngày 31/3/2020)*.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Chung Văn H thấy:

[2.1]. Năm 1989, gia đình ông Chung Văn H cùng một số hộ dân khác đến vùng kinh tế mới (nay là thôn X, xã T N) để lập nghiệp, khai hoang trồng cây phủ trống đồi trọc, tăng gia sản xuất theo chủ trương vận động của UBND huyện N. Tại đây gia đình ông H đã làm nhà, sân vườn, chuồng chăn nuôi trâu, bò, gia cầm, khai hoang đất trồng hoa màu, lúa, trồng cây để phủ trống đồi trọc phát triển kinh tế. Theo hồ sơ kê khai theo chỉ thị 299/TTg thì vị trí đất này, thuộc phạm vi đất Nông trường Đ. Theo hồ sơ 64/CP thì vị trí này thuộc 04 thửa đất trong đó có một phần thửa đất số 92, tờ khai bản đồ số 55, diện tích 5.276m^2, loại đất T do ông Chung H kê khai đăng ký.

Ngày 01/01/2008, hộ ông Chung Văn H có Đơn xin giao đất lâm nghiệp đối thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m², mục đích sử dụng đất xin giao là đất rừng sản xuất, chỉ địa thửa đất tại G, thôn X, xã T Nam và được UBND xã T xác nhận ngày 02/01/2008. Theo Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/01/2008 thì thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2 thể hiện trạng thái rừng keo III.

Ngày 04/12/2008, hộ ông Chung Văn H có Đơn xin cấp GCNQSDĐ đối thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m^2, mục đích sử dụng đất xin cấp GCNQSDĐ là đất rừng sản xuất và được UBND xã T, Chi nhánh Văn phòng Đ, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện N kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy GCNQSDĐ (các đơn và biên bản có chữ ký xác nhận của ông Chung Văn H).

[2.2]. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không thừa nhận ông đã ký vào các đơn: Đơn xin giao đất lâm nghiệp ghi ngày 01/01/2008 đối với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m², mục đích sử dụng đất xin giao là đất rừng sản xuất; Đơn xin cấp GCNQSDĐ ngày 04/12/2008 đối thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m^2, mục đích sử dụng đất xin cấp GCNQSDĐ là đất rừng sản xuất và Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 15/01/2008 thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2 thể hiện trạng thái rừng keo III. Tuy nhiên, căn cứ theo trình bày của những chủ đất có đất tiếp giáp với thửa đất 1456 của ông H xác nhận, quá trình thực hiện thủ tục cấp giấy chứng QSD đất đã được đoàn đo đạc địa chính dẫn đến từng thửa đất có vị trí tiếp giáp để cùng ông H xác nhận rõ ranh giới và ký xác nhận ranh giới, mốc giới cũng như tại Biên bản họp Hội đồng tư vấn xét nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, công trình, vật kiến trúc ảnh hưởng dự án Xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp T lập ngày 05/3/2020, các cơ quan chức năng và đại diện nhân dân am hiểu về nguồn gốc đất tại địa phương đã xác định thửa đất số 1456 ông H đăng ký theo hồ sơ Nghị định 64/CP là loại đất RSX, hiện trạng sử dụng trồng keo *(số thứ tự 223 trang 17 của danh sách)*. Từ đó có căn cứ để xác định, thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 2, diện tích 13.626m² tại G, thôn X, xã T đã được gia đình ông Chung Văn H làm đơn xin giao đất lâm nghiệp với mục đích sử dụng đất xin giao là đất rừng sản xuất. Mặt khác, quá trình sử dụng đất, đến trước thời điểm Nhà nước thu hồi đất, ông Chung Văn H trình bày ông có đăng ký trong hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 92, tờ bản đồ số 55, diện tích 5.276m², loại đất T nhưng Ông không chứng minh được việc sử dụng thửa đất số 92, tờ bản đồ số 55, diện tích 5.276m² vào mục đích đất ở, liên

tục, ổn định từ năm 1989 đến nay theo Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ngoài ra, Hộ ông H đã được cấp đất nhà ở theo tinh thần NĐ/64 CP ở vị trí khác xây dựng nhà ở ổn định.

[2.3]. Toà án cấp sơ thẩm Bác các phần yêu cầu khởi kiện của ông Chung Văn H về nội dung: Hủy Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện N; Hủy Quyết định số 8142/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Chung Văn H; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 595613 do UBND huyện N cấp ngày 31/12/2010 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh Thị N với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02, tích 13626 m², địa chỉ tại G, thôn X, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; Buộc Ủy ban nhân dân huyện N ban hành quyết định công nhận, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ loại đất ở và cây lâu năm đối diện tích 13.895m^2 thuộc thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 02 cho ông Chung Văn H và bà Huỳnh N là có căn cứ.

[2.4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Chung Văn H. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Chung Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Chung Văn H. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 49/2025/HC-ST ngày 11/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Chung Văn H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000402 ngày 24/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ).

3. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tồn